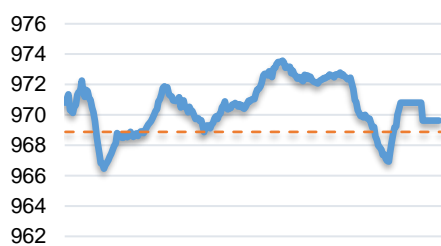


Diễn biến thị trường trong phiên

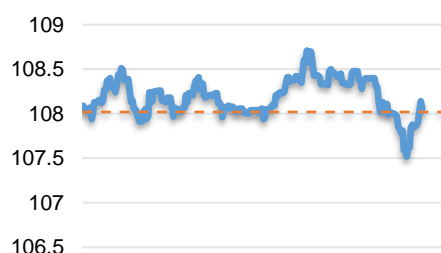
Rating	VNI	HNXI	UPCOM
Điểm	969.62	108.06	51.38
% ngày	0.08	0.04	(0.17)
% tuần	(0.86)	(2.17)	(0.48)
% tháng	3.88	0.41	1.63
% năm	26.09	7.17	(5.75)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,054.20	441.26	199.15
Hôm qua	3,761.77	662.19	239.04
TB 1 tháng	3,560.46	559.77	229.41
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	422.81	7.69	72.34
Bán	509.58	6.48	44.99
Giá trị ròng	(86.77)	1.21	27.35
Độ rộng TT			
Mã Tăng	123	61	82
Mã Giảm	140	81	85
Không Đổi	90	242	567
Chỉ số chính			
P/E	17.4x	10.1x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,094	194	852
LS Cổ tức	1.86	2.53	4.05

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch đầu tuần với những khởi đầu tích cực, sự dẫn dắt của nhóm ngành ngân hàng trong đầu phiên và sau đó cũng chính vì áp lực bán mạnh tại dòng ngân hàng đã làm chỉ số rung lắc mạnh vào cuối phiên và khớp lệnh gần mức tham chiếu. Chỉ số VN-Index kết phiên giao dịch tại 969.6 điểm, tăng 0.08% cùng với chỉ số HNX-Index cũng đóng cửa quanh mức tham chiếu 108 điểm. Chỉ số Upcom-Index có diễn biến kém tích cực hơn khi đạt mức 51.38 điểm, giảm nhẹ 0.17%.

Nhóm bất động sản, xây dựng cũng như dòng cổ phiếu Midcap thu hút dòng tiền vào rất tốt như nhiều mã tăng mạnh trong phiên như DIG, DXG, NLG... Ngoài ra còn có sự hỗ trợ lớn vào cuối phiên bởi nhóm ngành dầu khí đồng loạt tăng điểm giúp chỉ số không giảm dưới mức tham chiếu và các mã cổ phiếu vốn hóa lớn như VNM, BID, VIC, VHM, MSN... Điểm nhấn trong phiên là bộ đôi HAG – HNG tăng mạnh trong phiên với HNG đạt giá trần vào cuối phiên còn HAG tăng 6.7%. Nhóm bán lẻ cũng giao dịch tích cực trong phiên như PNJ, MWG...

Nhóm ngành tài chính có sự phân hóa khá rõ nét, nhóm ngành ngân hàng có BID còn tăng điểm và còn lại giảm giá mạnh như VCB, VPB, MBB, CTG, HDB... làm ảnh hưởng lớn nhất việc kim hãm đà tăng chỉ số. Bên cạnh đó còn có dòng chứng khoán chỉ có HCM, VND còn tăng điểm và SSI, VCI, SHS đều đóng cửa trong sắc đỏ.

Nhà đầu tư ngoại quay lại bán ròng nhẹ trên toàn thị trường khoảng 58 tỷ đồng với tổng giá trị bán là 561 tỷ đồng và những mã chịu áp lực bán trong phiên của khối ngoại là NVL, VHM, VIC, SSI, CHP...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục biến động trong vùng giá 960 – 970 điểm trong vài phiên tới. Điểm tích cực là dòng tiền gia tăng vào nhóm cổ phiếu Midcaps và chỉ số VNMidcaps có dấu hiệu sẽ sớm kết thúc giai đoạn tích lũy, còn nhóm cổ phiếu Largecaps có khả năng sẽ tiếp tục giai đoạn tích lũy cho thấy mức độ phân hóa sẽ tiếp tục diễn ra. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm nhẹ và về trạng thái cân bằng cho thấy các nhà đầu tư đang cơ cấu lại danh mục khi thị trường đang có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và giữ mức chốt lỗ của hệ thống ở mức 953.04 điểm của chỉ số VN-Index và 106.05 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở nhóm Largecaps và Midcaps.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 53% cổ phiếu/47% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.25	GIẢM	GIẢM		17.39				19.88		
ACB	36.70	TĂNG	GIẢM	35.60	35.10	3.09%			41.80		
ACV	85.00	TĂNG	GIẢM	84.50	84.08	0.59%			95.72		
BFC	25.90	TĂNG	GIẢM	27.00	25.15	-4.07%			28.97		
BHN	83.00	GIẢM	GIẢM		88.75				109.05		
BID	31.40	TĂNG	TĂNG	25.80	28.13	21.71%			31.14		
BMP	52.70	GIẢM	GIẢM		55.83				63.44		
BSR	16.30	GIẢM	GIẢM	15.80	16.68	5.58%	BÁN		19.99		
BVH	84.00	TĂNG	GIẢM	78.00	77.59	7.69%			91.06		
BWE	18.20	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	2.82%			19.20		
CEO	12.70	TĂNG	GIẢM	13.40	11.95	-5.22%			15.95		
CHP	22.60	GIẢM	TĂNG		23.64			23.50	22.03	-3.83%	
CSM	13.80	GIẢM	TĂNG		13.98			14.39	12.77	-4.10%	
CTD	153.00	TĂNG	TĂNG	149.50	147.78	2.34%		161.20	125.07	-5.09%	
CTG	25.70	TĂNG	GIẢM	24.00	24.46	7.08%			28.07		
CTI	31.50	TĂNG	GIẢM	30.50	28.52	3.28%			33.12		
CVT	24.65	TĂNG	GIẢM	25.85	23.93	-4.64%			29.58		
DCM	11.20	TĂNG	GIẢM	11.05	10.87	1.36%			11.62		
DGW	24.90	TĂNG	GIẢM	23.90	23.26	4.18%			26.51		
DHA	27.70	TĂNG	GIẢM	28.00	26.99	-1.07%			28.49		
DHC	38.00	GIẢM	GIẢM		40.57				43.99		
DHG	96.00	GIẢM	TĂNG		106.20			114.49	95.93	-16.15%	
DPG	43.20	TĂNG	GIẢM	40.90	39.06	5.62%			50.13		
DPM	17.90	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	1.13%			18.72		
DPR	36.50	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-2.67%			39.13		
DQC	27.60	GIẢM	GIẢM		29.44				33.18		
DRC	24.20	GIẢM	TĂNG		24.49			24.30	19.87	-0.41%	
DXG	27.85	TĂNG	GIẢM	23.75	26.14	17.26%			29.38		
ELC	8.90	GIẢM	GIẢM		9.43				10.93		
FCN	15.85	GIẢM	TĂNG		16.07			17.70	13.88	-10.45%	
FIT	4.07	GIẢM	GIẢM		4.38				5.21		
FMC	23.65	TĂNG	GIẢM	21.20	21.19	11.56%			23.95		
FPT	43.70	TĂNG	GIẢM	42.90	41.58	1.86%			45.46		
GAS	98.20	GIẢM	GIẢM		100.94				103.15		
GEX	30.60	TĂNG	TĂNG	30.60	30.17	0.00%	MUA	30.10	29.53	1.66%	MUA
GIL	47.20	TĂNG	TĂNG	41.65	44.71	13.33%		34.90	40.42	35.24%	
GMD	25.40	TĂNG	GIẢM	25.40	25.09	0.00%			28.65		
GTN	11.00	GIẢM	TĂNG		11.71			11.20	9.83	-1.79%	



We Create Fortune

HAG	7.12	GIẢM	TĂNG		7.57			6.19	5.86	15.02%	
HAX	15.10	GIẢM	GIẢM		16.19				18.67		
HBC	22.00	TĂNG	GIẢM	22.95	21.33	-4.14%			27.24		
HDB	35.00	GIẢM	GIẢM	35.75	35.11	-1.78%	BÁN		42.35		
HNG	15.40	GIẢM	TĂNG		16.26			8.20	14.10	87.80%	
HPG	37.25	TĂNG	GIẢM	37.20	36.56	0.13%			42.50		
HSG	10.25	GIẢM	GIẢM		11.25				13.38		
HT1	11.95	TĂNG	GIẢM	11.75	11.54	1.70%			12.91		
HUT	5.20	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	40.30	TĂNG	TĂNG	33.00	36.32	22.12%		39.20	39.08	2.81%	MUA
ITD	11.75	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-5.24%	
KBC	12.00	TĂNG	GIẢM	12.10	11.63	-0.83%			13.24		
KDH	29.10	GIẢM	GIẢM		30.16				33.70		
KSB	28.50	GIẢM	GIẢM	29.79	29.05	-2.48%	BÁN		33.01		
LCG	9.51	TĂNG	GIẢM	9.46	9.30	0.53%			10.06		
LDG	13.60	GIẢM	GIẢM		14.76				15.06		
LIX	40.75	GIẢM	GIẢM		41.51				44.35		
LPB	9.40	GIẢM	GIẢM		10.13				11.99		
LSS	6.71	GIẢM	GIẢM		6.85				7.93		
MSN	89.90	TĂNG	GIẢM	79.10	87.46	13.65%			90.22		
MWG	121.00	TĂNG	TĂNG	112.00	113.12	8.04%		121.00	104.78	0.00%	
NKG	13.40	GIẢM	GIẢM		14.20				17.00		
NLG	29.40	TĂNG	GIẢM	29.80	28.62	-1.34%			31.83		
NT2	26.40	GIẢM	GIẢM		27.26				28.69		
NTL	9.60	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-7.25%		10.45	8.94	-8.13%	
NTP	44.00	GIẢM	GIẢM		45.55				51.18		
PAC	38.15	GIẢM	GIẢM		39.95				42.18		
PC1	25.00	GIẢM	GIẢM		27.45				30.03		
PDR	25.25	GIẢM	GIẢM		26.14				29.12		
PGC	14.30	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-0.35%			15.68		
PHR	23.90	TĂNG	TĂNG	21.90	23.28	9.13%		24.00	19.56	-0.42%	
PLX	65.50	TĂNG	GIẢM	60.50	61.57	8.26%			67.88		
PNJ	99.90	TĂNG	GIẢM	90.30	94.23	10.63%			102.31		
POW	13.00	TĂNG	GIẢM	13.00	12.91	0.00%			13.91		
PPC	18.50	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	0.00%			19.21		
PTB	57.50	GIẢM	TĂNG		59.72			64.00	53.16	-10.16%	
PVD	14.10	GIẢM	TĂNG		16.00			16.35	11.75	-13.76%	
PVI	29.20	TĂNG	GIẢM	29.90	28.37	-2.34%			33.71		
PVS	19.30	TĂNG	TĂNG	17.00	18.87	13.53%		20.90	14.57	-7.66%	
PXS	5.75	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-7.11%	
RAL	89.50	TĂNG	GIẢM	91.00	85.59	-1.65%			102.96		
REE	34.15	GIẢM	GIẢM		35.51				34.97		
SAB	213.00	TĂNG	GIẢM	208.00	202.31	2.40%			233.02		



We Create Fortune

SAM	6.83	GIẢM	GIẢM		7.10			7.59		
SBV	27.40	TĂNG	GIẢM	27.00	27.05	1.48%		29.26		
SCR	8.83	GIẢM	GIẢM		9.34			10.30		
SHI	6.00	GIẢM	TĂNG		6.32		6.99	5.88	-14.16%	
SJS	20.30	TĂNG	GIẢM	19.70	18.92	3.05%		21.87		
SKG	22.20	TĂNG	TĂNG	20.05	20.18	10.72%		21.27		
SSI	29.15	TĂNG	GIẢM	29.55	29.12	-1.35%		34.19		
STB	11.15	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	-0.45%		12.71		
SVC	44.00	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74		
TCM	21.00	TĂNG	TĂNG	17.80	19.06	17.98%		20.79		
TDH	11.25	GIẢM	GIẢM		11.75			13.50		
TLH	7.21	GIẢM	GIẢM		7.50			8.37		
TMT	7.10	TĂNG	GIẢM	5.61	6.55	26.56%		7.28		
TNG	11.60	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	7.41%		11.90		
TYA	10.85	GIẢM	GIẢM		11.15			12.27		
VCB	61.40	TĂNG	GIẢM	57.50	59.68	6.78%		64.41		
VFG	36.00	GIẢM	TĂNG		38.63		34.39	33.47	4.67%	
VGC	16.30	GIẢM	GIẢM		17.82			21.50		
VHM	108.80	GIẢM	TĂNG		111.48					
VIB	29.20	TĂNG	GIẢM	27.60	27.19	5.80%		30.67		
VIC	102.60	GIẢM	TĂNG		107.45		111.50	92.44	-7.98%	
VIP	7.04	TĂNG	GIẢM	6.95	6.88	1.29%		7.29		
VJC	151.00	TĂNG	GIẢM	144.50	145.08	4.50%		154.12		
VNM	160.10	GIẢM	GIẢM		160.88			175.10		
VPB	24.90	GIẢM	GIẢM		28.17			33.19		
VRC	23.10	TĂNG	TĂNG	17.75	20.69	30.14%	19.35	16.29	19.38%	
VRE	39.50	GIẢM	GIẢM	40.40	39.51	-2.21%	BÁN	44.98		
VSC	40.60	TĂNG	TĂNG	35.50	38.55	14.37%	35.30	33.86	15.01%	
VSH	17.65	TĂNG	TĂNG	17.20	17.54	2.62%	17.40	16.64	1.44%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TP HCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	969.62	0.08
VN30	945.65	(0.38)
VN Mid	999.93	0.88
VN Small	800.67	(0.20)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	422.81	
Bán	509.58	
GT rỗng	(86.77)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TGG	1,850	7.0%
HNG	1,000	6.9%
HAG	450	6.7%
TCM	1,100	5.5%
SKG	1,050	5.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	(170)	-5.7%
SJF	(1,200)	-4.8%
VPB	(1,100)	-4.2%
DHG	(3,500)	-3.5%
KSB	(1,000)	-3.4%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	327,460	
VHM	291,542	
VNM	232,337	
VCB	220,903	
GAS	187,950	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	20.64	14.65
VPB	10.44	4.79
HAG	9.30	12.70
SBT	8.21	2.30
CTG	5.33	5.76

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	108.06	0.04
HN30	192.22	0.33
VNX AllSh	1,356.67	(0.03)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	7.69	
Bán	6.48	
GT rỗng	1.21	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DGL	1,300	3.5%
L14	1,200	3.4%
DGC	1,300	3.4%
PVS	300	1.6%
NDN	200	1.5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVB	(100)	-1.3%
VGC	(200)	-1.2%
VCG	(200)	-1.2%
SHS	(100)	-0.7%
VC3	(100)	-0.5%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	39,801	
VCS	13,520	
SHB	10,106	
PVS	8,621	
VCG	7,421	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	4.05	6.29
ACB	3.52	4.88
PVS	3.24	6.04
KLF	2.83	2.70
DST	2.68	0.59

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.38	(0.17)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	72.34	
Bán	44.99	
GT rỗng	27.35	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	300	3.2%
NTC	2,100	3.1%
HVN	1,100	2.8%
VIB	500	1.7%
MPC	400	1.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BSR	(500)	-3.0%
POW	(200)	-1.5%
ACV	(1,000)	-1.2%
MCH	(1,100)	-1.1%
OIL	(100)	-0.7%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	185,056	
MCH	51,393	
BSR	50,538	
HVN	50,372	
GVR	31,600	

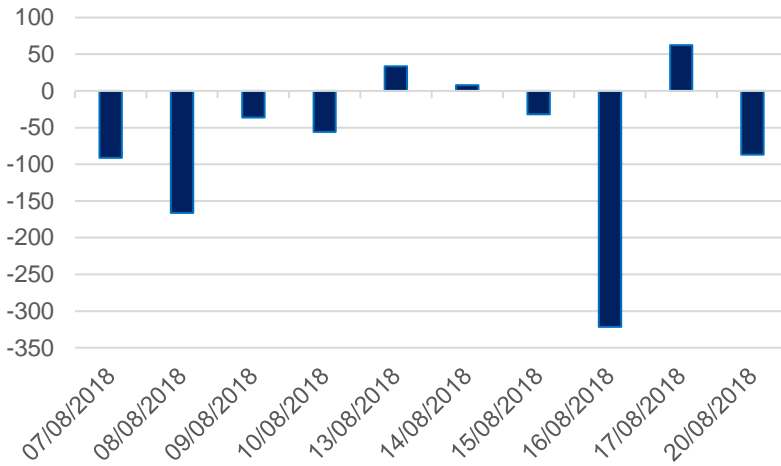
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SVH	7.98	0.27
ART	3.34	2.24
BSR	1.30	1.75
HVN	1.07	0.68
VGT	0.96	0.41

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create **Fortune**

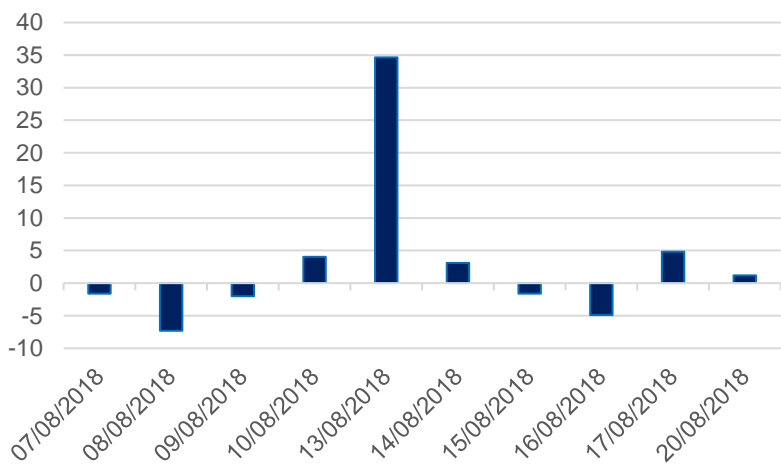
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VNM	36,593	NVL	(31,106)
BID	15,310	VIC	(27,203)
GAS	12,196	VHM	(23,964)
VCB	10,052	SSI	(22,973)
GEX	6,771	CHP	(22,031)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

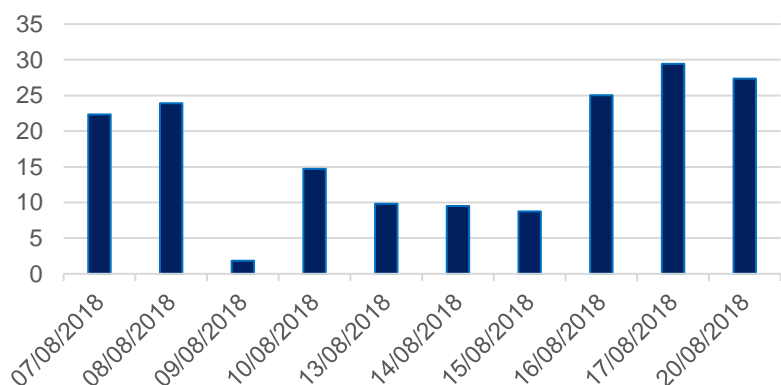
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
PVS	5,640	VGC	(2,163)
VCS	465	DGL	(1,476)
CEO	180	TNG	(1,274)
SHS	109	APS	(431)
TV2	104	VNR	(150)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	30,728	BSR	(3,723)
HVN	2,683	VGT	(2,603)
QNS	1,653	LTG	(1,824)
LPB	501	OIL	(1,433)
ART	256	VPR	(36)

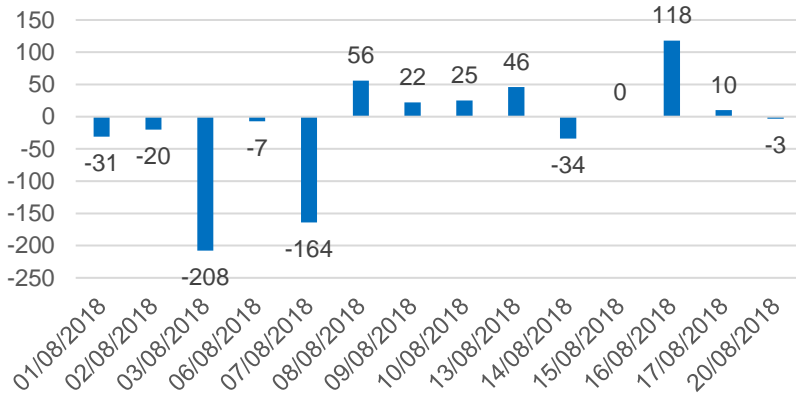
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

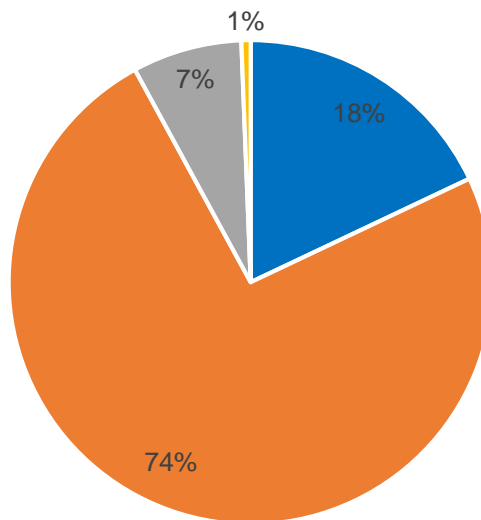


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
GEX	15,366	HPG	9,603
HPG	9,492	GEX	8,437
FPT	9,243	BID	5,966
THI	5,530	VSC	3,643
VPB	2,587	DXG	3,565

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



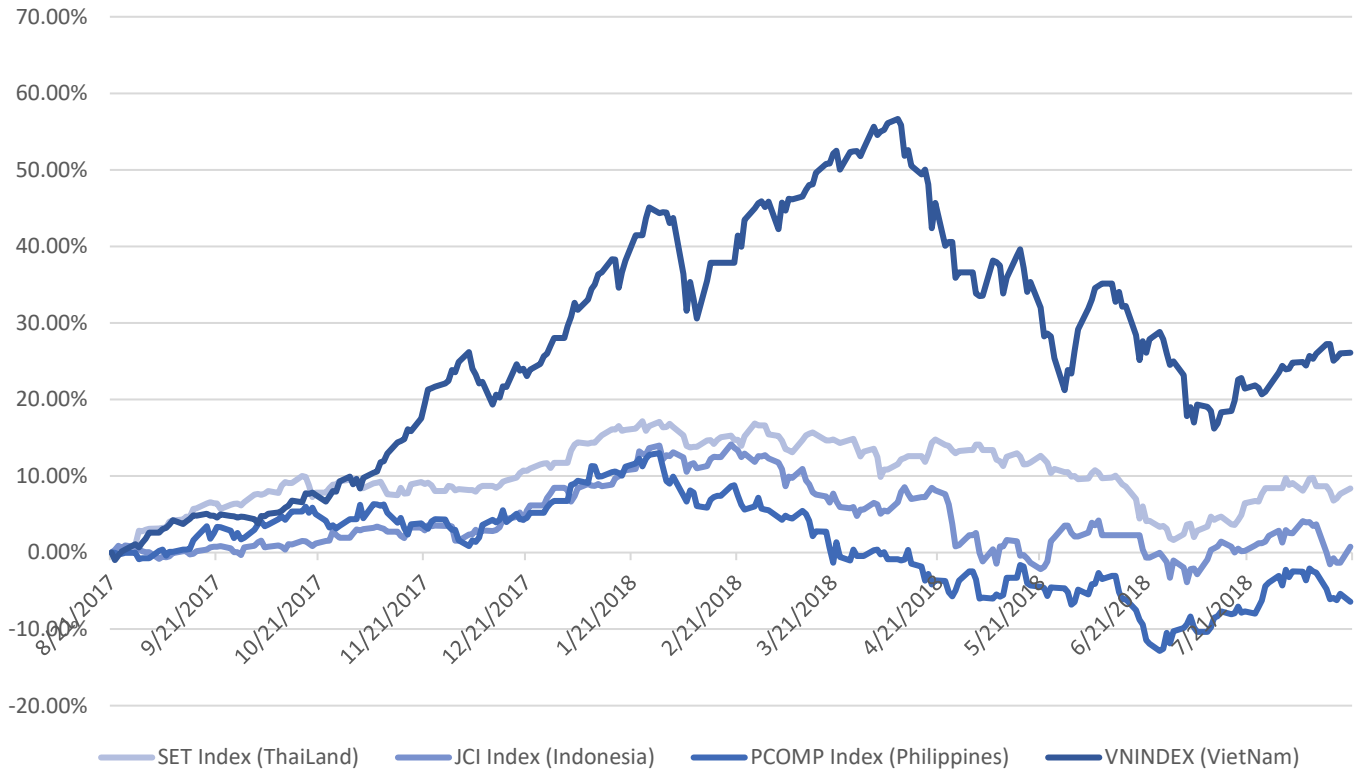
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

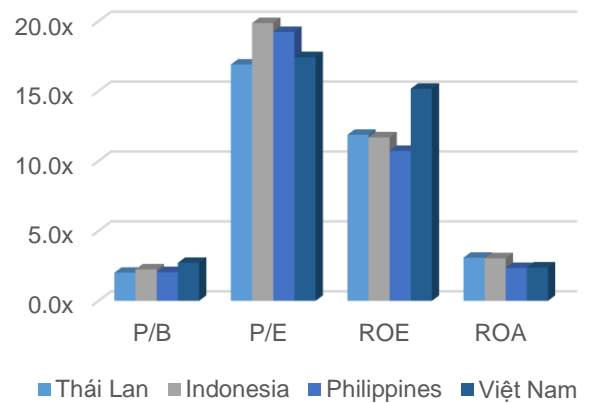
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.1x	2.7x
P/E		16.9x	19.9x	19.2x	17.4x
ROE	%	11.88	11.70	10.73	15.17
ROA	%	3.09	3.05	2.36	2.39
Vốn hóa	Tỷ USD	515.71	448.51	177.03	132.92
GTGD	Triệu USD	1.45	0.36	0.07	0.13
LS cổ tức	%	3.05	2.30	1.67	1.86

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



■ Thái Lan ■ Indonesia ■ Philippines ■ Việt Nam



We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written